TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **304**/2023/DS-ST
Ngày 29 - 8 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Huỳnh Hưởng.
Bà Đỗ Mỹ Lil.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Hồng Cẩm – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 333/2023/TLST-DS ngày 04/5/2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 312/2023/QĐXXST-DS ngày 05/7/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn G.

Bà Danh Thị L1.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2023 của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên toà, thể hiện:

Vào ngày 29/9/2021 âm lịch nguyên đơn có mở 01 dây hụi, loại 3.000.000 đồng, hụi 01 tháng khui 01 lần, hụi gồm có 26 chưng, bị đơn tham gia chơi 02 chưng. Vào ngày 16/10/2021 âm lịch nguyên đơn có mở 01 dây hụi, loại 5.000.000 đồng, hụi 01 tháng khui 01 lần, hụi gồm có 25 chưng, bị đơn tham gia chơi 01 chưng. Vào ngày 10/01/2022 âm lịch nguyên đơn có mở 01 dây hụi, loại 1.000.000 đồng, hụi 01 tháng khui 02 lần, hụi gồm có 27 chưng, bị đơn tham gia chơi 01 chưng. Vào ngày 01/4/2022

âm lịch nguyên đơn có mở 01 dây hụi, loại 5.000.000 đồng, hụi 01 tháng khui 01 lần, hụi gồm có 27 chưng, bị đơn tham gia chơi 01 chưng. Quá trình khui 04 dây hụi thì vợ chồng bị đơn đã hốt hết các chưng hụi tham gia chơi của 04 dây hụi, nguyên đơn đã giao tiền hụi đầy đủ cho vợ chồng bị đơn nhận. Sau khi hốt hụi bị đơn không đóng hụi lại cho nguyên đơn đầy đủ, tính đến mãn các dây hụi thì vợ chồng bị đơn còn nợ tổng số tiền 277.000.000 đồng. Vào ngày 24/10/2022 bị đơn có nhờ nguyên đơn vay dùm số tiền 40.000.000 đồng; khoản nợ vay này nguyên đơn đã đưa trực tiếp cho bị đơn nhận, nhưng đến nay chưa trả lại nợ gốc.

Ngày 30/4/2023 giữa nguyên đơn và bị đơn Danh Thị L1 có thoả thuận chốt nợ lại bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn tổng số tiền hụi 277.000.000 đồng và có lập "Giấy nhận nợ ngày 30/4/2023" có ông Mai Vũ T xác nhận. Kể từ khi chốt nợ vợ chồng bị đơn không có trả cho nguyên đơn số tiền nào.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền hụi và tiền vay 277.000.000 đồng.

- Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử, nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Lời khai của ông Mai Vũ T tại biên bản lấy lời khai ngày 03/7/2023 có tại hồ sơ thể hiện: Ông T là công an viên phụ trách ấp Kinh Hòn, xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Ông T không có mâu thuẫn gì với các đương sự trong vụ án. Vào ngày 30/4/2023 giữa bà L với bà L1 hẹn đến quán Ái Muội để thoả thuận việc bán ghe trả nợ, khi đó có mời ông T chứng kiến. Tại quán Ái Muội các bên thoả thuận việc bán ghe giữa bà L1 với người mua ghe của bà L1 (hiện nay không rõ lại lịch ở đâu), nhưng không bán được với lý do không được giá, bà L và bà L1 tính toán nợ hụi và nợ vay thì bà L1 thừa nhận còn nợ bà L tổng số tiền 277.000.000 đồng, khi đó bà L yêu cầu bà L1 viết giấy nhận nợ, nhưng bà L1 viết không được, nên bà L1 nhờ người mua ghe viết dùm "Giấy nhận nợ ngày 30/4/2023", sau khi viết giấy nhận nợ xong có đọc lại cho bà L1 nghe và bà L1 thừa nhận và có ký vào giấy nhận nợ trước mặt ông T, sau đó ông T có xác nhận nội dung "*theo giấy nhận nợ của Danh Thị L1 là đúng sự thật, nay Công an ấp Kinh Hòn xác nhận để làm cơ sở về sau"*. Còn sau khi làm giấy nhận nợ thì các bên đã thanh toán với nhau như thế nào ông T không biết.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tiến hành và thực hiện đúng theo quy định. Đối với bị đơn đã không chấp hành đúng nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền hụi và vay 277.000.000 đồng. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục:* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ vay và nợ hụi, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi"* là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về pháp luật áp dụng:* Áp dụng quy định của Bộ luật dân sự hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết là phù hợp.

[4] *Về nội dung tranh chấp và xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[4.1] Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ *"Giấy nhận nợ ngày 30/4/2023"* tại nội dung giấy nhận nợ thể hiện bị đơn Danh Thị L1 thừa nhận có nợ nguyên đơn tổng số tiền nợ hụi và nợ vay là 277.000.000 đồng, giấy nhận nợ có xác nhận ông Mai Vũ T. Qua xem xét lời khai của ông T thì ông xác định tại thời điểm nguyên đơn và bị đơn Danh Thị L1 thoả thuận chốt nợ thì ông có chứng kiến và có nhờ ông ký chứng kiến xác nhận vào nội dụng giấy nhận nợ giữa các bên. Đồng thời, trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thông báo và văn bản tố tụng cho bị đơn biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối hay cung cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh việc đã thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, có căn cứ xác định thực tế nguyên đơn và bị đơn có giao dịch hụi và hợp đồng vay tài sản với nhau và bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền 277.000.000 đồng chưa thanh toán là đúng.

[4.2] Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ hụi và nợ vay theo thỏa thuận giữa các bên sau khi chốt nợ và nghĩa vụ của bị đơn phát sinh từ giao dịch của vợ chồng cùng xác lập, nên cần buộc bị đơn phải có trách nhiệm liên đới cho nguyên đơn tổng số tiền 277.000.000 đồng là đúng theo quy định tại Điều 463, Điều 466,

Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 11, khoản 2 Điều 15, Điều 18, Điều 20, Điều 21, khoản 1 Điều 22, Điều 23 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận và có đầy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền nêu trên.

[5] *Về án phí:* Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 5% trên tổng số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí, số tiền tạm ứng án phí của nguyên đơn đã dự nộp trước được hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 11, khoản 2 Điều 15, Điều 18, Điều 20, Điều 21, khoản 1 Điều 22, Điều 23 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị L.

Buộc bị đơn bà Danh Thị L1 và ông Nguyễn Văn G có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Lê Thị L tổng số tiền hụi và tiền vay là 277.000.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch:

- Buộc bị đơn bà Danh Thị L1 và ông Nguyễn Văn G phải nộp là 13.850.000 đồng (Chưa nộp).

- Nguyên đơn bà Lê Thị L đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước với số tiền là 6.925.000 đồng theo biên lai thu số: 0006668 ngày 04/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được hoàn lại toàn bộ.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự, NTGTT khác;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Trương Huỳnh Hải